

SỐ 1811

BỒ-TÁT GIỚI NGHĨA SỚ

*Đại sự Trí Giả ở núi Thiên Thai đời Tùy giảng.
Đệ tử là Quán Đảnh ghi chép.*

QUYỂN THƯỢNG

Giới Bồ-tát là chương đầu để vận hành điều lành, là trận trước để dứt ác, thẳng đường mà trở về nguồn sống có thể cùng tận, Thanh văn là hạnh nhỏ mà còn tôn kính Ba-la-đề-mộc-xoa, huống chi hàng Bồ-tát mang hoài bão, lại không chuyên trì giới phẩm hay sao? Cả hai bậc đều cung kính vâng giữ, từ vua chúa cho đến thứ dân đều cung kính. Như thế mới đi đến thắng nhân cực quả, kết diệu nghiệp của đạo tràng.

Kinh luận ghi chép giới tướng có nhiều loại, thọ pháp được truyền ký giải thích có giống có khác, do căn cơ tổ ngộ khác nhau, nên có người nghe đầy đủ, có người nghe sơ lược. Từ ngữ không nói lại hai lần, việc không cùng thực hành. Nay chỉ xét pháp tướng do ngài La-thập đã trình bày, xuất xứ từ Kinh Phạm Võng trong tạng luật. Đời Diêu Tần, niên hiệu Hoằng thỉ năm thứ 3, ngài La-thập đến đất Hán, làm sáng tỏ nghĩa Đại thừa, mở mang Thánh giáo, ngài đã truyền dịch khoảng 300 bộ kinh luận, Kinh Phạm Võng là bản dịch cuối cùng của Ngài, tụng ra lời thệ nguyện rộng lớn, nên Ngài rất thận trọng từng câu chữ, suy nghĩ đến 3 lần mới đặt bút. Nên văn nghĩa của Ngài rất kín đáo, chỉ thú sâu xa, văn kinh rõ ràng dễ hiểu, giúp người đời sau hiểu được dễ dàng. Kinh Phạm Võng muốn nói các giáo pháp khác nhau của Chư Phật như những mắt lưới của vui mừng trời Đại Phạm. Phẩm Tâm Địa Giới Bồ-tát nói về luật nghi của Bồ-tát để ngăn ngừa ba nghiệp. Tâm, Ý, Thức, thể một mà tên khác, trong ba nghiệp, thân, miệng và ý theo thứ lớp thì

ý nghiệp là chủ, nói theo chỗ cao siêu thì gọi là Tâm địa.

Nay giải thích giới kinh này thành ba lớp huyền nghĩa:

1. Giải thích tên gọi.
2. Nêu thể.
3. Phân biệt.

Giải thích tên gọi: Giải thích tên người, pháp hiệu và địa vị. Ma-ha Bồ-đề chất-đế tát-đỏa là dịch âm tiếng Phạn, gọi tắt là Bồ-tát, tức là lược bỏ những chữ khác, Hán dịch là Đại Đạo Tâm Thành Chúng Sinh, cũng dịch là Khai sĩ, là Đại đồng tâm, lại nói rằng: Thiện, mỹ, tùy theo hạnh mà đặt tên. Vì sự vận hành rộng rãi của tâm nên do đó mà đặt tên.

Kinh Đại Phẩm nói: “Người này có đạo tâm rộng lớn không thể hư hoại giống như kim cương. Từ mới phát tâm cuối cùng đến Đẳng giác, đều gọi là Bồ-tát, còn gọi là Phật tử, vì có nghĩa là nối dõi. Ba thừa đều từ Phật sinh, hiểu biết tất cả gọi là Tử.

Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Như con của ta” Bồ-tát nối tiếp là tốt nhất, nên gọi là Chân tử.” Ba thừa đồng tu đạo, nên có nghĩa này. Hai thừa tự thông, Tiểu quả hẹp mà lại ngắn. Đại sĩ rộng lớn tự thông, còn giúp cho người khác thông, nên được gọi là Phật tử.

Đại Kinh nói rằng: “Mới phát tâm đã là thầy trời người, cao hơn Thanh văn và Duyên giác, nên gọi là Đại tâm. Kế là phân biệt pháp hiệu tức nghĩa là giới. Thi-la là phiên âm tiếng Phạn.

Đại Luận nói rằng: đời Tần dịch là Tánh thiện, cũng dịch là Thanh lương. Vì giới có công năng phá tan nóng bức, từ thể mà được tên, còn gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, dịch là Bảo giải thoát, còn gọi là Tịnh mạng. Cũng gọi là Thành tựu oai nghi vô sở thọ xúc, đời vị lai không đọa vào ba đường ác, mà được thọ thân ở Tịnh độ, chấm dứt tà mạng, ngăn quấy dứt ác, cũng gọi là giới, nghĩa là dùng nghĩa mà giảng nghĩa. Lại nói nghĩa là lạc, nghĩa là cấm, tùy theo nghĩa mà đặt tên.

Đại Kinh nói rằng: “Như Phật cấm vô thường ông vẫn nói, tức là phá giới cấm của Phật về miệng thì đọa lạc. “Lại nói: “Người này không giữ giới cấm đầy đủ, quả Nhị thừa còn không được, huống chi là quả Vô thượng Bồ-đề.

Nay nói Giới có Đạo cộng giới, Định cộng giới. Tên này vốn xuất xứ từ trong ba tạng. Luật là nghi ngăn dứt, là hình nghi có công năng dứt điều ác của thân, nên gọi là Giới, cũng gọi là Oai nghi, oai là trang nghiêm đáng sợ, nghi là khuôn phép. Người tu hành nghiêm túc đáng

đáng sợ, cũng gọi là Điều Ngự, khiến tâm hành điều lành. Định là an tĩnh, khi nhập định tự nhiên điều hành được điều lành, ngăn quấy dứt ác. Đạo là năng thông, sau khi phát chân tự không hủy phạm. Sơ quả cày đất trùng lia bốn tấc, là do năng lực của Đạo cộng giới. Hai giới pháp này là năng lực cao quý của tâm, phát giới Đạo và Định cùng lúc với Luật nghi, nên gọi là Cộng.

Tát-bà-đa bộ nói: “Luật nghi giới, Thiên giới, Vô lậu giới. Ba tên gọi này xuất xứ từ ba tạng, nay giới Bồ-tát cũng có 3 tên gọi này. Nếu do yếu thế mà được thì gọi tên là Luật Nghi. Định cộng của Bồ-tát Đạo cộng, đều dứt ba nghiệp, gọi chung là Giới. Như giới Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp, giới Nhiếp chúng sinh, đây là tên của ba nhóm giới, xuất xứ từ Kinh Phương Đẳng Địa Trì, không chung với ba tạng. Còn luật nghi Bồ-tát dứt cả ba nghiệp. Từ tướng thân, miệng hiển bày ra, đều gọi là Luật nghi. “giới Nhiếp Thiện Pháp” là đối với luật nghi khởi tâm Đại Bồ-đề, dứt được tất cả việc ác mà siêng tu các việc lành, đầy đủ hạnh nguyện Bồ-đề.

“Giới Nhiếp chúng sinh”: Bồ-tát có 11 việc lợi ích chúng sinh, đều là lợi ích rộng lớn cho chúng sinh. Giới phẩm đã nêu đầy đủ tất cả giới của Bồ-tát xong. Tổng kết 9 loại giới đều được xếp vào trong ba loại giới này. Luật Nghi giới, làm cho tâm an trụ, giới Nhiếp thiện pháp, tự thành Phật pháp. Giới Nhiếp chúng sinh, thì thành tựu chúng sinh. Ba giới này gồm hết các giới của Bồ-tát.

Kinh Anh Lạc nói rằng: “Luật nghi giới gồm mười Ba-la-di, giới Nhiếp thiện pháp gồm tám vạn bốn ngàn pháp môn. Giới Nhiếp chúng sinh gồm từ bi, hỷ xả, giáo hóa chúng sinh, giúp họ được an vui. Giới phẩm của Đại Luận nêu mười loại giới: 1. Không thiếu, 2. Không phá, 3. Không xuyên, 4. Không tạp, 5. Tùy đạo, 6. Không dính mắc, 7. Được người Trí khen ngợi, 8. Tự tại, 9. Tùy định, 10. Cụ túc. Mười giới này được giải thích như sau:

“Không thiếu”: Giữ gìn tánh giới, tánh trọng thanh tịnh, như giữ gìn viên ngọc sáng. Nếu phá giới như đồ vật đã bị sứt mẻ, trở thành người ở bên ngoài Phật pháp.

“Không pha”: giữ 13 việc không phá tổn.

“Không xuyên”: Các giới Ba-dật-đề v.v..... Nếu có phạm thì như đồ vật bị thủng chảy, không còn thọ nhận được đạo pháp.

“Không tạp”: Giữ gìn Định cộng giới, tuy giữ luật nghi nhưng tâm nghĩ việc phá giới, gọi đó là Tạp. Tâm giữ Định cộng thì dục niệm không khởi. Đại Kinh nói: “Nói lời giễu cợt, tiếng vòng xuyên ngoài

tường, man nữ đuổi nhau, đều làm ô nhiễm giới thanh tịnh.

“Tùy đạo”: Thuận theo đế lý có công năng phá được kiến hoặc.

“Không dính mắc”: Thấy chân thành thánh, đối với suy nghĩ hoặc không thể đắm nhiễm. Hai giới này là y cứ vào Chân đế trì giới.

8. “Giới được người trí khen ngợi: là “giới Tự tại”: Nói về Bồ-tát giáo hóa chúng sinh được Phật khen ngợi, ở trong thế gian mà tự tại, hai giới này là y cứ vào Tục đế mà nói về trì giới.

9. 10. “Tùy định” và “Cụ túc”: tức là y theo Thủ-lăng-Nghiêm không khởi Diệt định, hiện các oai nghi, thị hiện hình tượng của mười pháp giới dẫn dắt chúng sinh. Tuy khởi động oai nghi, nhưng nệm vận thường tịnh, nên gọi là Tùy định giới. Các giới trước đây, Luật nghi là ngăn dốt, gọi là không đầy đủ. Giới của Trung đạo không giới nào không đầy đủ, nên gọi là không đầy đủ. Dùng trí tuệ Trung đạo vào khắp các pháp, nên gọi là Cụ túc. Đây gọi là trì giới Trung đạo đệ nhất nghĩa đế.

Kế là nói về Giai vị: Đức Phật một đời giáo hóa đã nói giáo môn, chia thành bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Như Đại Luận dẫn “Ca-chiên-diên nói sáu Độ đều tu”. Thi-tỳ thả chim bồ câu là Đàn mẫn. Tu Ma Đề Vương không nói dối là Thi mẫn, vị tiên Nhẫn Nhục bị vua Cao quý-lợi cắt thịt, nhưng tâm không động là Nhẫn mẫn. Bồ thí chứa nhiều như biển là Tấn mẫn, Xà-lê Điều Sào là Thiền mẫn. Đại thần Cù-tân chia đất, chấm dứt sự tranh chấp gọi là Trí mẫn. Đây là Bồ-tát Tạng giáo. Như Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát phát tâm tương ứng với Tát-bà-nhã, là Bồ-tát Thông giáo. Có Bồ-tát phát tâm du hí thần thông, thanh tịnh cõi nước Phật. Trong Tịnh Danh được Giải thoát không nghĩ bàn biến thân thăng tòa bị quở trách, là Bồ-tát Biệt giáo. Phát tâm liền ngồi đạo tràng thành Chánh giác, đó Bồ-tát Viên giáo. Trong 4 giai vị Bồ-tát, hạnh vị có cạn, có sâu. Trước hết nói ba tạng chính là Tiểu thừa, Thanh văn có 7 Hiền, 7 Thánh. Ngoại phạm có 3:

1. Năm dừng tâm, 2. Biệt tướng niệm xứ, 3. Tổng tướng niệm xứ. Kế là nhập nội phạm có bốn thiện căn: 4. Noãn, 5. Đảnh, 6. Nhẫn. 7. Thế đệ nhất. Hành giả vượt qua các gia hạnh này thì vào Thánh vị:

- Tùy tín hành.
- Tùy pháp hành.
- Tín giải
- Kiến đắc.
- Thân chứng
- Giải thoát về thời.

Giai vị của Thanh văn như thế, Bồ-tát bất luận giai vị không dứt phiền não, chỉ tu sáu độ. Nếu nói theo thứ lớp chỉ có thể y theo Tát-bà-đa bộ của Tiểu thừa mà thôi. Từ Sơ phát tâm khởi từ bi thế nguyện quán sát Bốn đế, dùng Đạo đế làm pháp môn đầu tiên để tu sáu độ. Đàn phá ngã quý, thi cứu địa ngục, giúp chúng sinh, tiến bạt Tu-la, Thiên tĩn trong là người. Tuệ chiếu các trời. Từ ban đầu là Thích-ca đến Kế-Na-thi-Khí, gọi là Đệ nhất a-tăng-kỳ, được 5 thứ công đức:

- Không đọa vào đường ác.
- Không sinh vào biên địa.
- Các căn đầy đủ.
- Không làm thân người nữ
- Thường biết túc mạng.

Tự mình không biết thành Phật hay không thành Phật, hưởng về giai vị năm pháp quán dừng tâm, biệt tổng niệm xứ. Từ Phật Thi-khí đến Phật Nhiên Đăng gọi là Đệ nhị a-tăng-kỳ. Bây giờ tự biết thành Phật mà miệng không nói, hưởng lên giai vị Noãn pháp tánh địa, đã có niềm tin chứng pháp, phải biết thành Phật tu hạnh sáu độ. Tâm chưa hiểu rõ thì không được đến nói với người khác. Từ Đức Phật Nhiên Đăng đến Đức Phật Tỳ-bà-thi là mãn ba a-tăng-kỳ kiếp, lúc đó trong tâm biết rõ ràng, miệng tự phát ra lời. Hưởng về Đảnh pháp vị, hiểu rõ tu hành sáu độ Bốn đế. Như người lên đỉnh núi thấy rõ khắp nơi, nên đến nói với người khác. Nếu qua ba a-tăng-kỳ kiếp gieo trồng 32 tướng nghiệp, hưởng về đây là Hạ Nhẫn. Một sát-na nhập chân, 34 tâm dứt kết được Tam-Bồ-đề thì thành Phật, Bồ-tát thông giáo tức tam thừa cộng Thập địa.

Cần Tuệ địa: Tên sự tướng đồng ba tạng, tâm quán hạnh khác nhau. Thể của mười tám giới vào như huyễn như hóa. Pháp chung Kiến ái tám đảo, danh thân, niệm xứ. Tâm thọ pháp cũng giống như thế. Trụ là Trung quán, tu chỉ siêng năng như ý, căn, lực, giác, đạo. Tuy chưa được Noãn pháp tướng tự nước lý. Tổng tướng trí tuệ sâu sắc, gọi là Cần Tuệ địa.

Tánh địa: Vượt qua Cần tuệ địa được Noãn pháp rồi, sẽ tăng thêm tâm đầu, giữa, sau vào Đảnh pháp, cho đến Thế đệ nhất pháp, đều gọi là Tánh địa, được nước tánh vô lậu, nên gọi là Tánh địa.

Bát nhân địa: Tín hạnh và pháp hạnh của Ba thừa, thể thấy giả phát, thật dứt hoặc. Trong Tam-muội Vô gián có đầy đủ tám nhẫn. Một phần trí nhỏ, gọi là Bát nhân địa.

Kiến địa: Ba thừa đồng thấy lý Đệ nhất nghĩa Vô sinh Tứ đế.

Đồng dứt hết Kiến hoặc, 88 sử.

Bạc địa: Thế ái giả phát thật, dứt tư hoặc cõi Dục, chứng Giải thoát thứ sáu, phiền não nhẹ mỏng

Ly dục địa: Thế ái giả tức chân, dứt 5 phần kết sử sau của cõi Dục: Thân kiến, Giới thủ, si, tham, sân, nên gọi là Ly dục địa.

Dĩ biện địa: Người Ba thừa thế sắc, vô sắc ái tức chân phát vô lậu

Công đức lực lớn dứt trừ được tập khí.

Bích-chi-Phật địa: Duyên giác phát chân vô lậu. Công đức lực lớn dứt trừ được tập khí.

Bồ-tát địa: Từ không vào giả, quán đạo song lưu. Quán sâu hai đế, tiến lên dứt trừ tập khí, Sắc tâm vô tri đặc pháp, nhãn đạo chủng trí. Du hí thần thông, thanh Tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sinh học Phật, mười lực, bốn vô sở úy. Tập khí dứt sắp hết.

Phật địa: Sức công đức lớn giúp trí tuệ. Một niệm tương ứng tuệ quán Chân đế rất ráo, tập khí cũng không còn. Như kiếp lửa đốt cháy, vốn không trở thành tro than. Con voi lội qua sông đến bờ bên kia. Tuy Phật và Bồ-tát là tên khác của Nhị thừa, quán chung vô sinh thế pháp. Đồng là Vô học, cùng quy về tro đoạn, chứng quả một chỗ gọi là Thông. Biệt giáo có 52 giai vị:

Ngoại phạm Thập Tín: 1. Tín, 2. Niệm, 3. Tấn, 4. Tuệ, 5. Định, 6. Bất thối, 7. Hồi hướng, 8. Hộ pháp, 9. Giới, 10. Nguyện.

Nội phạm: Tập chủng tánh Thập trụ: 1. Phát tâm, 2. Trị địa, 3. Tu hành trụ, 4. Sinh quý, 5. Phương tiện cụ túc, 6. Chánh tâm, 7. Bất thối, 8. Đồng chân, 9. Pháp Vương Tử, 10. Quán đảnh. Hết 30 tâm đều gọi là Giải hạnh vị. Tất cả đều là tên gọi của Nội phạm.

Tánh chủng tánh thập hạnh: 1. Hoan hỷ, 2. Nhiều Ích, 3. Vô nhuế hận, 4. Vô tận, 5. Ly si loạn, 6. Thiện hiện, 7. Vô trước, 8. Tôn trọng, 9. Thiện pháp, 10. Chân thật.

Thập hồi hướng: 1. Cứu hộ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng, 2. Bất hoại, 3. Đẳng nhất thiết Chư Phật, 4. Biến chí nhất thiết xứ, 5. Vô tận công đức tạng, 6. Tùy thuận kiên cố bình đẳng nhất thiết thiện căn, 7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh, 8. Chân như tướng, 9. Vô phược vô trước giải thoát, 10. Pháp giới vô lượng.

Thánh chủng tánh thập địa: 1. Hoan hỷ, 2. Ly cấu, 3. Minh, 4. Diệm, 5. Nan thắng, 6. Hiện tiền, 7. Viển hành, 8. Bất động, 9. Thiện tuệ, 10. Pháp vân.

- Đẳng giác địa: Gọi là Kim cương tâm Bồ-tát, cũng gọi là Vô cấu

địa. Lân chân cực Thánh là đỉnh của chúng học.

- Diệu giác địa: Tức thấy tánh quả rốt ráo Phật Bồ-đề. Thấy tánh rõ ràng gọi là Diệu giác. Tánh và Tập, nếu y cứ theo giai vị mà phân thì Tập chủng ở trước, Tánh chủng ở sau. Nếu nói theo hạnh thì trước sau không nhất định. Theo thể khởi dụng thì trước nói tánh chủng, sau nói tập chủng. Tìm dụng chọn thể. Trước Tập sau Tánh thì tương tự với giáo đạo và thể đạo. Nói theo vị thì Giáo đạo ở trước, Chứng đạo ở sau. Nói theo thực hành thì Chứng đạo và Giáo đạo đồng thời trước sau không nhất định, theo thể khởi dụng thì trước Chứng đạo, sau Giáo đạo. Tìm dụng chọn thể thì trước Giáo đạo, sau Chứng đạo. Trong giải hạnh có 4 tên gọi: 1. Giải hạnh, 2. Phát tâm, 3. Hồi hướng. 4. Đạo chủng.

Đối với đạo xuất thế hiểu mà siêng năng thực hành, gọi là Giải hạnh. Nơi đạo Bồ-đề khởi ý thú cầu, gọi là Phát tâm. Dùng pháp lành của mình xu hướng Bồ-đề, nên gọi là Hồi hướng. Ngay trong phần như lập quán đạo, nên gọi là Đạo. Hướng về sau quả Phật sẽ sinh, gọi là Chủng. Tập chủng tánh sẽ sinh ra báo Phật. Tánh chủng tánh sẽ sinh ra pháp Phật. Xưa nói là thối trong 6 tâm của vương tử Pháp Tài, tức là tâm thứ 6 của Thập trụ.

Hỏi rằng: Thập Trụ gọi là Tánh địa, Tánh lấy không đổi làm nghĩa. Sao gọi là Thối làm Nhị thừa còn một.

Đáp: Tánh là không làm Nhất-xiển-đề, không ngại thối Đại thừa hướng về Tiểu thừa. Cuối cùng là khó thông. Các sư Chỉ Quán nói: “Chỉ là Tâm thứ 6 trong mười pháp Tín bị thối.” So với các Sư Thích luận và các Sư Kim cương Bát-Nhã Luận, đều giải thích như thế. Từ tâm thứ 7 trở lên thì xa lìa hẳn Nhị thừa, bấy giờ vì lợi hoàng kinh đều nhẹ nhàng và tâm độ vật không mất, thường được gọi là Bồ-tát. Viên giáo nói về vị, biệt giáo nói 52 vị thứ lớp tu hành. Viên giáo tu một tâm đủ muôn hạnh, khác với tu hành theo thứ lớp. Năm phẩm ngoại phạm, tất cả Tùy hỷ tâm. Nếu người có trồng sâu gốc lành đời trước, hoặc gặp thiện tri thức, hoặc nghe lý mâu văn kinh đầy đủ. Một pháp là tất cả pháp, tất cả pháp là một pháp. Chẳng phải một, chẳng phải tất cả, không thể nghĩ bàn. Khởi tâm tin hiểu tròn đủ, tin rằng trong một tâm thể có đủ 10 pháp giới. Như trong một hạt bụi có chứa quyển bằng cõi Đại thiên, muốn mở rộng tâm này để tu viên hạnh. Viên hạnh là tất cả hạnh, tóm lại thành mười. Nghĩa là hiểu một niệm bình đẳng đầy đủ không thể nghĩ bàn. Thương xót mình và tất cả bị đắm chìm. Còn biết một tâm tức tất cả tâm, hoặc thông hoặc bí. Có khả năng đối với tâm này đầy đủ đạo phẩm đi đến con đường Bồ-đề. Còn hiểu pháp này là chánh trợ của tâm,

biết tâm mình và tâm phàm thánh. Còn an tâm không động, không đọa, không lùi, không tán. Tuy biết một tâm có vô lượng công đức nhưng không sinh đắm nhiễm. Mười tâm thành tựu, tâm mình niệm niệm đều tương ứng với các Ba-la-mật.

Về đọc tụng, tròn đủ mới sinh ra các điều lành, phải nuôi dưỡng, quán việc lắng lắng, phiền động khiến cho đạo hé mở, chỉ có được khi bên trong tu lý để quán, bên ngoài đọc tụng Đại thừa, cho có năng lực giúp quán, nội quán nương nhau, tín tròn đủ càng sáng. Mười tâm vững chắc, như mặt trời soi sáng thấy các vật sắc.

Người nói pháp: Nội quán chuyển mạnh cùng giúp thêm bên ngoài, hiểu đầy đủ đối với hoàng thệ huân động, lại thêm nói pháp truyền bá như thật, nhưng dùng pháp Đại thừa để đáp, lập ra phương tiện cuối cùng giúp cho đại ngộ. Nói pháp thanh tịnh, thì trí tuệ thanh tịnh, nói pháp khai đạo là trước người đắc đạo có nhân duyên

Cùng giáo hóa quy về mình, mười tâm ba dần dần chuyển sáng.

Thực hành cả sáu: Từ trước đến nay, quán tâm thành thực không liên quan đến việc này. Nay chánh quán hơi rõ, tức nương tựa gồm lợi vật. Có thể thí một chút bằng với hư không. Khiến tất cả pháp thú hướng về đến đàn. Đàn là giới pháp, sự tướng tuy xoay vận ít nhưng hoài bão rất lớn. Lý quán là chánh, sự hạnh là phụ, nên gọi là kiêm hành. Sự phước giúp lý mười tâm tròn đầy.

Chánh hành sáu độ: Viên quán muốn thành thực, thì Sự lý phải viên thông. Sự không ngại lý, lý không ngại sự, thực hành sáu độ đầy đủ. Hai trí quyền và thật hoàn toàn thông đạt. Sản nghiệp trị sinh không trái với thật tướng. Giải thích đầy đủ tri kiến Phật, và chánh quán như lửa đốt củi, lực dụng sáng suốt mạnh mẽ.

Thứ nhất: Nội phàm Thập tín, nghe và tin đầy đủ, thực hành đầy đủ. Khéo tăng thêm lợi ích rất rõ. Vì thế viên hạnh được nhập viên vị. Khéo tu bình đẳng tức pháp giới, nhập vào Tín tâm. Khéo tu thương xót nhập vào niệm tâm. Khéo tu vắng lặng tức vào Tấn tâm. Khéo tu pháp pháp tức nhập vào Tuệ tâm. Khéo tu thông bát thì vào Định tâm. Khéo tu đạo phẩm tức nhập vào tâm Bất thối. Khéo tu chánh trợ tức nhập vào Hộ tâm. Khéo tu Bất động tức vào Giới tâm, khéo tu không chấp trước tức vào Nguyện tâm. Như thế gọi là Viên giáo thiết luân Thập tín vị. Viên giáo giống như giác sáu căn thanh tịnh.

Thứ 2. Thánh vị. Trước nói về chân trí trong Thập Trụ, ở Phát tâm trụ có 3 thứ tâm:

1. “Duyên nhân thiện tâm phát. 2. Liễu nhân tuệ tâm phát. 3.

Chánh nhân lý tâm phát.

Tức là cảnh trí hành diệu tâm phát, có 3 thứ:

“Duyên nhân tâm phát”, tức là trụ trong định Thủ-lăng-nghiêm giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận.

“Liễu nhân tuệ tâm phát”: tức là Ma-ha-Bát-nhã rốt ráo Không.

“Chánh nhân duyên tâm”: tức là trụ thật tướng pháp thân Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Kinh Hoa Nghiêm nói: Sơ trụ có bao nhiêu công đức, Chư Phật Ba đời khen ngợi không thể kể hết. Vừa mới phát tâm liền thành Chánh giác. Rõ biết tánh chân thật của các pháp. Nhưng nghe pháp không theo người khác mà tỏ ngộ, “Tịnh Danh” nói rằng: “Biết tất cả pháp là ngôi đạo tràng, cũng là nhập vào pháp môn không hai. Đại phẩm, lúa mới phát tâm liền ngôi đạo tràng, xoay bánh xe pháp độ chúng sinh thành Phật. Tự môn “A” nghĩa là tất cả pháp Không sinh.

Thứ 3: Nói về Thập hạnh, tức là sau Thập Trụ, thật tướng hiện rõ không thể nghĩ bàn. Mười phen dứt phá mười phẩm vô minh. Một hạnh là tất cả hạnh, niệm niệm tiến thú, chảy vào pháp giới bình đẳng, các Ba-la-mật nhập vận sinh ra và lớn lên. Tự hành hóa tha chẳng đồng với hư không.

Thứ 4: Thập Hồi hướng: Sau Thập hạnh là Vô công dụng đạo không thể nghĩ bàn. Chân minh niệm niệm khai phát, tất cả pháp giới nguyện hạnh sự lý, tự nhiên dung hòa hồi nhập vào biển pháp giới bình đẳng. Lại chứng 10 phen trí đoạn phá, 10 phẩm vô minh, nên gọi là Hồi hướng.

Thứ 5: Thập Địa: tức là vô lậu chân minh nhập vào đạo vô công dụng, giống như mặt đất sinh ra tất cả Phật pháp, gánh vác chúng sinh trong pháp giới, nhập khắp Phật địa ba đời. Lại chứng mười thứ trí, cắt đứt mười phẩm vô minh.

Thứ 6: Đẳng giác địa. Quán đạt được nguồn cội của vô minh vô thí. Bờ mé trí mẫn rất ráo thanh tịnh. Dứt hẳn cội nguồn của vô minh sâu kín, lên tận đỉnh Trung đạo, khác với cha mẹ vô minh, đây gọi là Hữu sở đoạn, là Hữu thượng sĩ.

Thứ 7: Diệu giác địa, rốt ráo giải thoát trí, Phật Vô thượng nên gọi Vô sở đoạn là Vô Thượng sĩ. Đây chính là 3 đức: Đoạn đức (không dục, không ngang, không đồng không khác, rốt ráo hậu tâm Đại Niết-bàn. Tất cả đại lý, đại thệ nguyện, đại trang nghiêm, đại trí đoạn, đại biến tri, đại đạo, đại dụng, đại quyền thật, đại lợi ích, đại vô trụ, tức là 10 quán thành thừa viên cực rốt ráo ở Phật, không có tên gọi để nói. Lô-Xá-na gọi là Tịnh Mãn. Tất cả đều đầy đủ. Đại sư Nam Nhạc nói

rằng: “42 tự môn là mật ngữ của Phật. Cần gì tiêu biểu 42 vị. Các người học Thích luận chấp đấm không hiểu chỗ này, phần nhiều không dùng. Nhưng bản văn luận có cả ngàn quyển. Ngài La-thập 9 lần lược lại, làm sao không hiểu chỗ này. Ứng sâu thâm biết, vì sao Kinh nói: “Một chữ A sau chữ ĐỒ chính giữa 42 tự môn, đủ công đức các chữ. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “Từ Sơ địa đầy đủ công đức các địa. Nghĩa này là đồng. Tự môn A, các pháp ban đầu bắt. Đây há chẳng phải Viên giáo sơ trụ, mới được Vô sinh nhẫn hay sao? Không có chữ để nói, há chẳng phải quả Diệu Giác Vô Thượng hay sao? Phẩm Quảng Thừa nói tất cả pháp đều là Đại thừa, tức nói 42 tự môn. Há chẳng phải viên BỒ-tát từ sơ phát tâm được Thật tướng các pháp hay sao? Nghĩa này và với Viên giác rất rõ ràng. Kế là phẩm Phát Thú nói 10 địa của Biệt giáo. Cuối cùng nói Ba thừa cộng Phật địa, giai vị của Tam giáo, văn có nói rõ.

Thứ hai: Xuất thế, ban đầu nói Vô tác, kế là nói Chỉ thiện và Hành (566) thiện.

Giới thể, không khởi thì thôi, khởi thì tánh vô sắc nương sắc. Các Kinh Luận đều nói tranh cãi về Hữu vô:Đều vô vô tác, sắc tâm giả hợp chung thành chúng sinh. Thiện ác vốn do tâm khởi, không nên có riêng thiện không ngỗ, ngoan ác, đều chỉ cho tâm. Thệ không làm ác tức là thọ giới. Kinh Anh Lạc nói: “Tất cả giới của thánh phàm đều lấy tâm này làm thể. Vì tâm vô tận, nên giới vô tận, hoặc nói giáo là giới thể, hoặc nói nguyện là giới thể. Vô biệt vô tác, Đại kinh Thánh hạnh quán chiết phục vô thường, vua A-Xà-thế quán chiết phục cảnh giới. Nhưng nói Sắc tâm bất đạo vô tác. Năm ấm giáo thông cả Đại thừa, Tiểu thừa, chỉ có một sắc bốn tâm. Tiểu thừa dẫn dắt tiểu căn e họ xem thường nhân quả. Phương tiện nói ác khẩu nặng sẽ sinh một pháp iêng là vô tác khiên báo. Pháp hành phải hành, pháp ác phải dứt. Hành một thì có hai sức, đâu không thể không hạn. Phương tiện giả nói thích hội một thời. Luận chân như nói một đời thành 4 quả pháp, thẳng ra có pháp phàm phu riêng. Đâu thể y theo đây chính là thật. Nếu trong nhân riêng có điều lành không ngỗ, cộng làm nhân Phật. Phật địa cũng riêng có điều lành này, cộng làm quả Phật. Nên biết, Tâm là Nhân, quả không có pháp nào khác.

Kinh nói rằng: Kinh luận Đại Tiểu thừa, đều vô tác, đều là Thật pháp. Vì sao tâm lực rộng lớn. Có công năng sinh ra các pháp, có thể lôi kéo quả báo. Tiểu thừa nói. Ở đây có riêng một pháp lành có công năng chế định Phật pháp, nương thầy thọ phát đến trọn đời. Hoặc nương Định cộng, Đạo cộng phẩm sinh riêng, đều dùng tâm lực phát dụng có

cảm phát này. Luận Thành Duy Thức có phẩm Vô Tác nói về nhóm Phi sắc phi tâm tụ. Luật sư dùng nghĩa cũng y theo thuyết này, như nghĩa Tỳ-đàm thì giới là Sắc tụ, Vô tác là Giả sắc, cũng nói Vô giáo chẳng phải đối nhân sắc. Đại thừa nói Giới là sắc pháp. Đại Luận hỏi rằng: “Giới là sắc pháp có thể luận, suy nghĩ nhiều là tâm sở, vì sao lại nói là nhiều? Nghĩa của Quán luận. Vì giới là Sắc, đây nghĩa là số. Đại thừa vì sao dùng nghĩa số. Giải rằng: “Nếu dùng phi sắc phi tâm là giống với luận Thành thật, vẫn là Tiểu thừa. Nay nói tự gia là số sắc. Sắc Đại thừa đâu có quan hệ về số nhà. Trung Luận nói rằng: Ngôn ngữ tuy đồng nhưng tâm thì khác. Nay Đại thừa nói giới là sắc tụ, đại thừa tâm mong cực quả, nương thầy hễ thọ thì xa đến Bồ-đề. Tùy định tùy đạo, thệ tu các điều lành, thệ độ các loài hàm thức, cũng dùng năng lực rộng lớn của tâm này riêng phát giới thiện. Vì hành giả đã duyên các ác của chỉ dứt. Kinh Ưu-bà-tắc Giới nói rằng: “Thí như có mặt, có cảnh thì có hiện tượng, như thế làm thì có vô tác. Đại Luận giải thích giới độ: “Tội hay không tội thì không được giới Cụ túc. Đây là giới độ chánh thể. Lại nói: “Vì sao gọi là Giới? Vì tâm sinh miệng nói. Nay thọ dứt pháp ác của thân miệng, đó gọi là Giới. Đã có năng trì sở trì, thì có pháp riêng, tức là Vô tác. Phẩm Địa Trì nói rằng: Hạ duyên tâm sau khi phạm bốn tội trọng không mất luật nghi. Nếu đều là Vô vô tác, vì sao nói là mất. Đại Bản Phạm Võng tức Đại thừa giáo. Văn sau nói rằng: “Nếu không thấy tướng tốt thì, dù thọ trước Phật và Bồ-tát cũng không gọi là đắc giới.” Lại nói: “Nếu có 7 già nạn, dù phát tâm muốn thọ cũng không gọi là đắc giới. Nếu ngay nơi tâm cho là giới, thì phát tâm chính là Giới. Vì sao nói không được? Đại Kinh nói rằng: “Chẳng phải sắc khác làm nhân quả, bị trong niệm giới, tuy không hình sắc mà có thể hộ trì. Tuy không xúc đối khéo tu phương tiện thì sẽ khiến đầy đủ. Lại như đao kiếm nước tro, gót chân cầu ruộng. Nếu ngay nơi tâm là Giới, vì sao giả nói không hình không sắc không xúc đối, cho nên biết có vô tác riêng. Tâm trì giới cho là chân giới. Trong Thánh hạnh và Thế vương, không có Đạo quán phân tích vô tác, cứ nêu sắc tâm làm toát yếu để quán thôi, cũng không nói là vô vô tác. Tiểu thừa nói Bốn quả, Đại thừa khai bốn quả là quyền. Lại đã thiện không ngổ thành Phật, vì thế không trở ngại cho mình, điều lành như Vô thường cũng làm nhân thiện thường, tức từ chỗ đó nêu ra. Nhưng hai cách giải thích này từ xưa đã gây tranh luận, câu không khó ở lý, mà có thể khó ở chỗ văn không hợp lý. Câu có ở lý khó thì văn chỗ nào cũng dễ. Đã đều có văn đâu phải là đạo lý. Nhưng lý được hay không được. đều được luận lý giáo nghĩa, Lý là thật, giáo là

quyền. Thật tuy không có nhưng giáo môn thì có. Nay dùng có Vô tác, kể là nói Đạo cộng giới và Định cộng giới đều lấy Vô tác làm thể. Định cộng giới ở trong tâm định phát ra vô tác, không trở lại các việc ác. Đạo cộng giới ở trong đạo Kiến đế đã phát ra cùng lúc trên tâm thắng đạo, nên nói là Đạo cộng. Các Sư Chỉ Quán giải thích, chưa phải Kiến đạo, đã phát ra vô tác là Đạo cộng giới, cầu giữ trong tâm chánh quán Trung đạo phát vô tác này, có nghĩa ngừa quấy dứt ác, nên gọi là Đạo cộng. Đại Kinh nói rằng: “1. Đắc chánh pháp giới. 2. Thọ thế giáo giới. Bồ-tát đắc chánh pháp giới, nghĩa là Đạo cộng giới, được giới này, rất ráo không làm việc ác. Được từ thầy trao, nên gọi là Đắc. Trong tâm Trung đạo phát được giới này. Thọ thế giáo giới, nghĩa là bạch bốn lần Yết-ma, rồi sau mới vaynhờ mượn từ thầy mà được, nên gọi là Thọ, sai khác đứng về chỉ bày, nên gọi là Thế giáo. Định cộng và Đạo cộng chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa. Đạo cộng giới và Định cộng giới của Đại thừa xếp vào giới Nhiếp thiện pháp. Có vị Sư nói chỉ nhập Thiên định mới phát ra vô tác. Định cõi Dục không phát ra vô tác, chỉ có nhờ vào không giải mới phát ra vô tác. Có câu: “Chỉ khiến cho chứng được Định Đạo này, theo khả năng có thể dừng phục phẩm thô thành tựu liền phát ra Vô tác. Ban đầu luật Bồ-tát nghi phương tiện cầu thọ, thể của nó sẽ hưng thịnh. Nếu bỏ Bồ-đề nguyện, thì như tăng thượng phiền não phạm 10 giới trọng, thể của nó bị phế bỏ. Nếu không có hai duyên này thì đến thành Phật mới phế bỏ. Định cộng giới và Đạo cộng giới, đắc Định, đắc Đạo là nhân. Niệm ban đầu Định và Đạo chưa cùng lúc với giới. Đầy đủ tâm trước làm Nhân, niệm thứ hai mới có cùng lúc với giới, bấy giờ là Hưng. Một niệm cuối cùng xuất định, xuất đạo, bấy giờ liền phí bỏ.

Câu 2. Khi nhập định, nhập đạo giới và tâm cùng có, lúc đó gọi là hưng. Khi xuất định, xuất đạo, giới và tâm đều xả. Lúc đó gọi là phế, đều gọi là tâm có chung với giới.

Câu 3. Sau khi phát thì ra vào thường có. Sau nhập thắng định thắng đạo, tùy theo chỗ ngay đó mà đặt tên. Bấy giờ, thường hưng khởi thối định thối đạo. Ba Tạng đều thọ, Bồ-tát đến Bồ-đề, bấy giờ liền bỏ, pháp Nhiếp thiện sinh ra cùng với luật nghi. Tùy thọ thì hưng, hai duyên thì phế. Kế đến ba nhóm giới thể. Luật nghi là pháp thức nghi tặc, giúp cho người tu hành vào đạo. Lại nói Luật là bờ tường. Như thế nếu bỏ tường thì ngựa chạy thẳng. Luật cũng giống như thế. Điều phục người tu hành không làm việc ác. Bồ-tát thệ nguyện dứt ác làm lành. Nếu không động thân miệng tức là dứt ác, phát giới ngăn động, không động tức là Luật Nghi giới. Như phải động thân miệng tức là làm lành,

nay phát khởi giới này để ngăn ngừa bất động đó, Nhiếp thiện chúng sinh giới tức là động phải hợp với sự. Nên khai ra làm hai, chọn sách lệ các điều lành y theo nhóm môn bốn thế nguyện rộng lớn, gọi là Nhiếp chúng sinh, tức là vì người nên hành động, dưới là hóa độ chúng sinh tu muôn điều lành, trên nương về quả Phật, Luật nghi phần nhiều đứng đầu về nội đức. Nhiếp chúng sinh bên ngoài là nhiếp hóa điều lành cả trong lẫn ngoài, nên phải lập nhóm giới. Kế là chỉ thiện và hành thiện. Như có nói về dứt ác không làm, gọi là chỉ. Tin thọ tu tập gọi là Hành. Phật giáo tuy nhiều nhưng tóm gọn vào hai môn chỉ và hành. Các điều ác không làm tức là giới môn, các điều lành khuyên giữ tức là Khuyên môn. Nghĩa Vô tác bao trùm thiện ác, nghĩa thiện ác vô tác bao gồm hành thiện và chỉ thiện, Nay trước nói về thiện, thiện giới không khởi mà đã khởi thì phải dứt ác, đều là nghĩa chỉ, đều có tiến thú, đều là nghĩa Hành. Chạy theo mạnh yếu. Có hành thiện và chỉ thiện khác nhau. Chạy theo sự khởi tâm dứt ác vô tác là chỉ thiện. Hưng tâm vô tác là hành thiện. Giới nghi Đạo cộng giới và Định cộng giới xếp vào Chỉ, Đạo và Định xếp vào nghĩa hai tâm là hành. Tìm vô tác từ nhân duyên dứt, từ chỉ duyên dứt, sau đó sinh Vô tác là chỉ thiện. Tất cả Khuyên môn đều thuộc về hành thiện, còn giải hành chỉ là tác. Chấm dứt là chỉ vô tác. Lại nói: Chỉ thiện và hành thiện đều có Vô tác. Chúng Thanh văn đều là luật nghi giới. Thể chỉ cho dứt ác trên thân và miệng. Luật nghi Bồ-tát ngăn ngừa 3 nghiệp. Lại nêu ra dài ngắn rộng hẹp. Vô tác nghĩa là sau khi phát tâm duyên tăng thượng thì thấp kém liệt không phát, tâm Vô ký yếu kém không phát ra vô tác, như dứt hoặc cỡi Dục có 9 phẩm. Sáu phẩm trước phát ra vô tác. Ba phẩm sau không phát, nên nói Tư-đà-hàm ra khỏi biểu vô tác, A-na-hàm ra khỏi biểu bất thiện, La-hán ra khỏi biểu Vô ký. Thiện ác Vô tác đối với tâm mà luận, đều có 4 câu, bốn câu thiện là:

1. Giới phi vô tác: Tâm dứt ác có công năng chỉ nên gọi là giới.
2. Vô tác phi giới: nghĩa là đào giếng xây cầu, tùy việc tùy dụng vô tác, v.v..... không thể chỉ ác, chẳng phải là giới.
3. Giới là vô tác: nghĩa là Thiện luật nghi, v.v....
4. Phi giới phi vô tác: tâm lành khác.

Ác giới có 4 câu:

Giới phi vô tác, nghĩa là dứt tâm lành.

Vô tác chẳng phải giới, nghĩa là các tội sát, đạo, tùy dụng vô tác.

Giới là vô tác, nghĩa là Ác luật nghi, v.v....

Phi giới phi vô tác, nghĩa là dứt tâm ác. Giới có hai loại:

1/ Mười sáu ác luật nghi

2/ Tà giới của ngoại đạo.

Ác luật nghi như Đại kinh. Ngoại đạo ác giới có 95 thứ. Đều có giới pháp. Hoặc khổ hạnh làm giới, hoặc giữ giới trâu ngựa, thờ lửa, uống gió, thường đứng một chân, chạy vào lửa, nhảy xuống sườn núi. Lấy dây làm giới, tức là tà giới. Tùy theo chỗ vận tâm dài ngắn, đều là ác giới.

Thứ 3. Phận biệt: lại chia làm 3:

Phải có tín tâm.

Không có 3 chương.

Nhân pháp làm duyên.

Tín tâm là theo môn Ba tạng, lược nêu 3 thứ:

Tin nhân quả, thiện ác phải có chỗ vờ lấy.

Tin Quan đế đắc đạo. Ta có khả năng quán Thánh đế sẽ đắc đạo.

Tin có giới, là quán đế nhập đạo sơ môn. Y theo giới Phương đẳng.

Phải đầy đủ 3 tánh này. Lại thêm ba loại:

Tin tâm thức của tự tha đều có Phật tánh.

Tin siêng hành thắng thiện thì chắc chắn đắc quả.

Tín chỗ đắc quả Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Kế là không có ba chương:

Chúng sinh chương ngại mới có ba loại, Phiền não thường có nên không nói chương. Nghiệp chương mới có nặng nhẹ, nghiệp nặng chương ngại giới, nghĩa trở ngại nhân, đó là bảy tội nghịch, mười giới trọng, hiện thân có thứ này, thế là chương, thân trước chẳng còn trở lại biết gì, cách đời việc xa. Về bảy tội nghịch: Sám hối diệt phi chương,

Phạm một sám hối và không sám hối, đều có chương này, sau khi sám hối thì không chương ngại, không sám hối thì chương ngại.

Bốn tội trước phải sám hối, thấy tướng thì chẳng chương ngại. Sáu tội sau không sám hối cũng không chương ngại.

Mười tội trọng không sám hối thì đều chương ngại, sám hối rồi thì không chương ngại.

Báo chương là hai đường địa ngục, ngạ quỷ. Tội khổ nặng tự ngăn cách từ, nhiều mà phán, không gọi là Nhân. Phi nhân, súc sinh chỉ cần hiểu được tiếng nói thì được giới thọ. Phi nhân là quỷ thần và Tu la, rồng là súc sinh, trong loài người thì có nam nữ, hùynh môn, hai căn. Trời thì có từ trở lên đến 18 cõi trời Phạm, đều gọi là Nhân. Tứ không

xứ có thể nghe pháp, nhưng nghiệp báo mầu nhiệm nên lược không nói. Từ trời Phi tướng là đảo chấp, nếu hơn tâm mền thiện cũng có thể đắc giới. Kinh nói ba đường, trời Trường thọ, Biên địa là đất nạn. Y cứ vào nghĩa không thể tu đạo mà thôi. Luận Tát-bà-đa nghi rằng: Rộng, được thọ Bát quan trai, chỉ là được Thiện, chứ không được gọi là Trai. Nay y theo văn mà chuẩn lý. Năm giới, là giới Bồ-tát căn bản, còn không biểu định Phật pháp, năm giới, giới Bồ-tát cho phép bốn đường đều được. Từ tám giới trở lên đến giới Cụ túc, đã là xuất gia biểu định oai nghi, chỉ có tầng trời thứ ba trong cõi người trở xuống mới có thể cảm, các đường khác không có nhân này. Đại Luận nói rộng được thọ giới Bát quan trai. Kế đến nói pháp Nhân duyên.

Nhân duyên có 3 bậc được giới Bồ-tát: 1. Chư Phật, 2. bậc Thánh, 3. Phạm sư. Chư Phật có 2:

Chân Phật như Vương tử Diệu Hải thọ giới Bồ-tát với Phật Lô-Xá-Na.

Tượng Phật đồng, vàng, ciment.

Trong ngàn dặm không có Sư thì cho phép cầu được tượng tốt tự thệ mà thọ. Xá lợi, tóc móng, Bát, tích trượng, răng, đều khởi tâm kính trọng, có thể làm duyên. Nhưng Xá-lợi khó biết giả thật, hoặc Tiểu thánh được kính trọng như Phật, liền có thể bằng đối. Kế là kinh sách Đại thừa, giải thích có 3:

1/ Không cho phép,

2/ Cùng Phật tượng khác thứ lớp thọ.

3/ Bất luận là có Phật hay không Phật, đối với kinh điển Đại thừa làm duyên. Kinh điển đại thừa ở đâu thì cũng như tháp Phật ở đó. Hai vị Thánh có Thật thánh hoặc Tượng thánh.

Thật Thánh là Bồ-tát Thập địa, đối với đây làm duyên nên hợp với phát giới. Tượng Thánh nghĩa là tượng Bồ-tát bằng vàng, đồng. Kinh này cũng nói: Đối trước Phật, Bồ-tát tự mình thệ nguyện thọ giới, nếu chỉ đối trước tượng Bồ-tát thì e có sẽ coi thường. Nếu phạm phu phát tâm Bồ-tát thì tượng người này không thể phát giới. Nói Phật, Bồ-tát là bên Phật có Bồ-tát. Địa Trì chỉ nói Phật, chứ không nói Bồ-tát.

Phạm sư có nội phạm và ngoại phạm, lấy người thật làm tượng. Không cho gọi hình tượng trong kinh là người trí, số bao nhiêu người. Địa Trì và Anh Lạc chỉ một Sư. Phạm Võng thọ pháp cũng chỉ có một Sư. Sau đây chế giới Trung đạo Hòa Thượng, A xà lê, thành bảy tội nghịch, cũng không thấy pháp thỉnh Hòa-thượng. Có nói: “Hòa-thượng, thỉnh Chư Phật làm Hòa-thượng. Văn còn nói: Hai thầy nên hỏi rằng:

“Ông có phạm bảy tội nghịch chẳng? Dường như chẳng chỉ Phật. Tuy có trí giả hiện tiền, vẫn phải ở trước tượng Phật, hoặc trước quyển kinh giúp làm phát khởi. Bấy giờ, người trí ở trước tượng Phật. Nếu có người trí, không có kinh tượng cũng không đắc giới. Đủ 18 vật, chế tượng Phật kinh điển luôn phải tùy theo. Kế là (568) nói về Đức nghiệp. Kinh Phạm Võng ghi: “Làm thầy phải là vị Bồ-tát xuất gia, có đủ 5 tính chất:

- Trì giới
- Mười hạ lạp
- Hiểu Luật tạng
- Thông Thiên tư
- Tuệ Tạng cùng tận chỗ sâu kín.

Ngài La-thập nói, Sư ghi chép, truyền bá cho đến này. Kế là Địa Trì nói rằng: “Giới đức phải nghiêm minh, hiểu rõ ba tạng, có khả năng làm được đối với sự cung kính kia, mới theo thọ được. Không như thế thì mắc tội. Kế là nói về pháp duyên. Đạo và tục đều dùng phương pháp khác nhau. Sơ lược có 6 bản:

- Phạm võng
- Địa Trì
- Cao Xương
- Anh Lạc
- Tân Soạn
- Chế chỉ

Kinh Ưu-bà-tắc Giới trao cho tại gia, Phổ Hiền Quán Thọ Giới pháp, thân dường như ở địa vị cao tự thệ thọ giới pháp. Nay không nêu đầy đủ. Phạm Võng Thọ Pháp là giới của Phật Lô-Xá-na trao cho Vương tử Diệu Hải. Phật Thích-ca nhận đọc tụng từ Phật Lô-Xá-na, kế đến chuyển cho Bồ-tát A-Dật-Đa, như thế là 25 vị Bồ-tát. Kế đến giao phó cho ngài La-thập truyền bá, xuất xứ từ phẩm Luật Tạng. Trước là thọ ba quy y: Con tên là..... từ thân này đến thân tành Phật. Trong thời gian đó Quy y thường trụ Phật, Quy y thường trụ pháp, Quy y thường trụ tăng (nói 3 lần). Sau cùng là kết (3 lần). Kế đến sám hối mười nghiệp ác (lạy ba lạy). Khen ngợi tán thán lắng nghe lời răn dạy (ba lần), nói 10 giới trọng. (Hỏi: Có giữ được không? Đáp: Giữ được) Sau đó kết thúc lời khen ngợi phát nguyện. Ngoài ra chỗ chưa hiểu, Sư sẽ chỉ dạy như văn sau: “Người muốn thọ giới, phải sắm sửa nhang đèn thỉnh Sư đến trước Phật truyền giới cho. Sư phải hỏi: “Ông có chịu đựng được mười việc không? Cắt thịt cho chim ưng ăn, xả thân cho cọp đói. (Phải từ Tánh địa trở lên mới chế được.) Cũng nói rằng: “Trong 10 ngàn dặm

không có Sư, thì cho phép đối trước tượng Phật mà thọ. Ba quy y, sám hối, nói 10 tội trọng giống như trước, chỉ có nói ra là khác mà thôi.

Kinh Địa Trì tương truyền do ngài Di-Lặc nói: “Nguyên bản là Nhật nguyệt Đăng Minh nói: “Bồ-tát Liên Hoa Tạng thọ trì, kể là hơn 30 Bồ-tát truyền hóa, về sau có Bồ-tát Y-Ba-la-di-lặc mượn dấu viết truyền hóa đến cõi này. Nhưng Kinh Địa Trì là do ngài Đàm-Vô-Sấm dịch. Nghi rằng Đàm-Vô-Sấm tức Y-Ba-lặc. Giới phẩm thứ tư nêu ra pháp thọ giới. Nếu Bồ-tát phát nguyện rồi Vô Thượng Bồ-đề. Người đồng pháp Bồ-tát đã phát nguyện, có trí, có lực thiện ngữ, thiện nghĩa thì có thể tụng, có thể trì. Trước hết phải lễ dưới chân người này mà thưa rằng: “Con tên là Theo Đại đức xin theo giới Bồ-tát, Đại đức đối với con không nề mệt nhọc, xin thương xót con (nói 3 lần) Kế đến đứng lên lễ Chư Phật mười phương, rồi thỉnh Sư: “Cúi mong Đại đức trao giới cho con (3 lần) Kế đến sinh niệm “Không bao lâu sẽ được nhà công đức lớn vô tận vô lượng. Sư phải hỏi: “Ông có phải là Bồ-tát chăng? Đã phát nguyện Bồ-đề chưa? Hỏi xong phải nói: Này pháp đệ! Ông muốn thọ tất cả giới Bồ-tát với ta, nghĩa là giới nhiếp luật nghi giới, Nhiếp Thiện pháp và giới Nhiếp chúng sinh. Giới này là quá khứ, vị lai, hiện tại tất cả các Bồ-tát am trụ giới này. Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, các Bồ-tát hiện tại đang học. Ông có thọ được không? (Đáp: thọ được (3 lần). Sư phải đứng dậy lễ Phật, xong rồi, nói rằng: “Bồ-tát mỗi ở trước tôi Bồ-tát mỗi của tôi, nói 3 lần thọ giới Bồ-tát. Rồi sau mới kết thúc khen ngợi. Ba chữ hiệp chú “Tiên tán tịch”, theo pháp thọ của kinh bản như thế.

Bản Cao Xương, hoặc bản Đề xứng pháp sư. Nguyên tông xuất xứ từ trong Kinh Địa Trì mà làm pháp nhỏ hay rộng. Trước hết là thỉnh Sư:

Thưa quý Đại đức, con pháp danh là nay theo Đại đức xin thọ giới Bồ-tát, cúi xin Đại đức cho phép con thọ, xin thương xót con (3 lần). Kế là xin giới rằng:

Thưa quý Đại đức, nay đã đến giờ, xin cho con thọ giới Bồ-tát (nói 3 lần) Kế là hỏi già pháp (gồm 10 câu). Sư phải thay Chư Phật xứng rằng: “Tất cả Chư Phật và các Bồ-tát tăng trên mặt đất lắng nghe! Bồ-tát này cầu ta giới Bồ-tát nay bố thí cho Ông giới Bồ-tát, ông theo tất cả Chư Phật và Bồ-tát tăng thọ giới Bồ-tát, giới nhiếp luật nghi. Giới Nhiếp Thiện pháp, giới Nhiếp chúng sinh, giới này của Chư Phật, đây là giới mà tất cả Chư Bồ-tát, quá khứ, vị lai, hiện tại đã am trụ, là giới mà các Bồ-tát quá khứ đã học, Bồ-tát vị lai sẽ học, Bồ-tát hiện tại đang

học, ông cũng đang học như thế, ông có giữ được không? (Đáp giữ được 3 lần) Bạch xong, xướng rằng: “Bồ-tát mỗ này. Ở” trước tất cả Phật Bồ-tát, theo tôi là Bồ-tát Đã hai ba lần theo giới Bồ-tát rồi. Tôi là Bồ-tát mỗ. Là người chứng minh. Lại bạch Vô lượng Chư Phật trong mười phương, vị thầy bậc nhất, bậc nhu hòa giác ngộ của tất cả chúng sinh. Bồ-tát này đã ở trước Bồ-tát mỗ đã 3 lần nói thọ tất cả luật nghi giới của Bồ-tát rồi (nói 3 lần), kể là nói 10 tướng trọng xong, kết thúc khen ngợi. Từ đời Tề Tống trở đi phần nhiều dùng pháp này, tức là bản Cao Xương. Kinh Địa Trì do Đàm Vô Sấm ở Hà Tây dịch, có Sa-môn Đạo Tấn, cầu Đàm-Vô-Sấm thọ giới Bồ-tát, Sấm không cho mà còn dạy phải sám hối. Sau 7 ngày, 7 đêm đến Đàm-Vô-Sấm cầu thọ, Ngài rất giận không trả lời, Đạo Tấn tự nghĩ, chính là do mình nghiệp chướng chưa tiêu mà thôi. Lại càng hết sức chí thành lễ sám suốt 3 năm, Tấn nằm mộng thấy đức Phật Thích-ca trao giới pháp cho mình. Hôm sau đến chỗ Đàm-Vô-Sấm định kể điềm mộng, đi chưa được vài mươi bước thì ngài Đàm-Vô-Sấm ngạc nhiên kêu lên: Lành thay! Ông đã cảm được giới rồi, tôi sẽ chứng minh cho ông. ”, kể đó ngài đứng trước tượng Phật nói giới tướng. Bấy giờ, có pháp sư Đạo Lăng là bậc cao túc ở đất Hà Tây, khi Đạo Tấn cảm giới thì Đạo Lăng cũng nằm mộng thấy, Pháp sư bèn hạ thấp giới lạp xuống xin làm pháp đệ của Đạo Tấn, lúc đó có hơn ngàn người theo Đạo Tấn thọ giới, Vương Tự Cừ ở Hà Tây, Cảnh Hoàn con của Mông Tốn, sau dời về Cao Xương cũng thờ Tấn làm thầy. Tấn cũng theo đến, thấy Cao Xương bị nạn đói. Đạo Tấn cắt thịt trên thân mình để cứu người đói, vì thế mà bỏ mạng. Đệ tử của Đạo Tấn là Tăng Quân, họ Triệu, người ở Cao Xương, truyền giới pháp của Sư. Lại có Đàm Cảnh, cũng truyền pháp này. Tông xuất xứ từ quận đó, nên gọi là Bản Cao Xương.

Cuối đời Nguyên có bản của Pháp sư Huyền Sướng. Bản này xuất xứ từ bản của ngài Đàm-Vô-Sấm nhưng hơi rộng hơn bản Địa Trì, e ngài Đàm-Vô-Sấm thệ nguyện phát khởi nhân tình vì có chỗ trùng phức này.

Về pháp Thọ Giới Bồ-tát trong Kinh Anh Lạc, trước lễ Tam bảo ba đời (nói 3 lần), kể thọ bốn bất hoại tín, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y giới, (nói 3 lần), kể sám hối m điều ác, năm tội nghịch (nói 3 lần) và 10 giới trọng. Người phạm mất đi 42 pháp hiền thánh. Hỏi có giữ được không? (Đáp giữ được) Cuối cùng kết thúc ba quy y. Lập lại 10 giới trọng rồi phát nguyện. Người thọ giới Bồ-tát vượt khỏi bốn ma, vượt khổ 3 cõi, đời đời không mất đi thường theo người tu hành

cho đến (569) thành Phật. Nếu không thọ giới thì không gọi là tri thức, không khác gì loài súc sinh, thường lìa biển Tam bảo, chẳng phải Bồ-tát, là ngoại đạo tà kiến. Không gần gũi nhân tình, công đức khuyến hóa người thọ giới nhiều hơn xây cất 8 vạn 4 ngàn ngôi tháp báu. Người có giới mà phạm vẫn còn hơn người không có giới mà không phạm. Nếu thọ giới trước Phật và Bồ-tát thật, gọi là Thượng phẩm giới. Nếu sau Phật diệt độ, trong một ngàn dặm không có Phật Bồ-tát, thì được theo người thọ trước làm thầy, gọi là Trung phẩm giới. Nếu trong một ngàn dặm không có pháp sư, được đối trước tượng Phật tự thọ giới, gọi là Hạ phẩm giới.

Bản mới soạn là do các Sư thời cận đại biên tập, gồm có 18 khoa:

Sư vào đạo tràng lễ Phật, rồi ngồi trên tòa ở bên Phật.

Đệ tử vào đạo tràng lễ Phật quỳ thẳng

Sư thỉnh Tam bảo:

Khởi tâm niệm Tam bảo như ở trước mặt

Sám hối 10 nghiệp bất thiện

Thỉnh các bậc thánh làm thầy

Thỉnh Sư hiện tiền

Sư khen ngợi đệ tử có khả năng phát thẳng tâm

Đúng lúc xin giới này.

Dạy phát tâm Bồ-đề

Hỏi già pháp (có 15 câu hỏi)

Nghĩ tưởng đấng giới

Lúc phát giới lập thế

Thọ ba quy y của Bồ-tát

Sư khởi xướng yết-ma cũng dùng yết ma phát giới

Kết xong

Sư lại ngồi xuống khuyên học

Nói tướng của 10 giới tướng trọng kết thúc khen ngợi làm lễ rồi đi.

Chế chỉ pháp thọ giới, đầy đủ phương pháp xuất gia và tại gia. Văn nhiều không thể kể hết được. Đề kinh này gọi là Phạm Võng. Quyển thượng: Đức Phật nhìn mảnh lưới của vua trời Đại Phạm, mảnh lưới ấy các mắt kết ngọc khác nhau mà hiện bóng lẫn nhau. Ngài nói mọi thế giới cũng giống như vậy, vô cùng vô tận. Trang nghiêm thân Đại phạm chẳng chỗ nào chướng ngại, y theo thí dụ mà đặt tên. Dụ chung cho một phần đã chứng, so ra bất đồng như mảnh lưới của vua trời Đại Phạm.

Phẩm gọi là “Tâm Địa Bồ-tát”, cũng là lấy Dụ đặt tên. Trong phẩm đã nói về dụng thiết yếu của Đại sĩ như tâm của thân người có thể thu hết muôn sự vật, có thể sinh ra thặng quả là chỗ được Đại sĩ nương tựa, nghĩa là như đất. “Lô-Xá-Na, “ Kinh Bảo Lương dịch là Tịnh Mãn, vì các họa họaan đều dứt, nên gọi là Tịnh, các đức đầy đủ gọi là Mãn.

Thích-ca Mâu Ni: “Kinh Thụy Ứng” dịch là Năng Nhu, cũng dịch là Năng nhân, Năng nhẫn, còn dịch là Trục lâm.

Mâu-ni là thân miệng ý mãn, Hoặc gọi là Ốc tiêu. Đây là thuyết khác. Phẩm danh hiệu, trong kinh Hoa Nghiêm hoặc gọi là Lô-Xá-Na, hoặc gọi là Thích-ca. Nay nói chẳng một chẳng khác cơ duyên nên nghe mà thôi. Đức Thích-ca ở tại cung Ma-hê-thủ-la, đệ Tứ thiên nói phẩm Pháp Môn Tâm Địa này. Xét văn từ đầu đến cuối, có một ngàn vị Thích-ca cùng với ngàn trăm ức Đức Thích-ca, đều dắt dẫn người có duyên đến chỗ Phật Lô-Xá-Na, thọ giới Bồ-tát. Rồi sau đều ngồi đạo tràng thị hiện thành Chánh giác. Lại nói pháp gồm có 10 nơi:

- Tại Diệu Quang Đường, nói về Thập Thế Giới Hải.
- Tại cung Đế-thích nói về Thập trụ
- Tại Cung Dạ-Ma nói về Thập Hạnh
- Tại trời Đâu-Suất-Đà nói về Thập Hồi Hương
- Tại trời Hóa Lạc nói về Thập Thiên định
- Tại trời Tha hóa nói về Thập địa
- Tại Sơ thiên nói Thập Kim cương
- Tại Nhị Thiên nói Thập Nhẫn
- Tại Tam Thiên nói Thập Nguyên
- Tại Tứ Thiên nói Phẩm Pháp Môn Tâm Địa.

Ở hội thứ 10 nói chung 30 tâm địa trước, đều đứng về nghĩa Vô tướng để giải. Sau đó lại nói: “Đức Thích-ca ban đầu ở thế giới Liên Hoa Tàng vào lên cung trời, xuống Diêm-Phù-Đề thành đạo, hiệu là Thích-ca. Đầu tiên ở Đạo tràng nói pháp cho đến 10 nơi. Lại từ cung trời xuống dưới cây Bồ-đề, phẩm Pháp Môn Tâm Địa này, Đức Lô-Xá-na đã tụng mười giới trọng 48 giới khinh. Hoa Nghiêm nói nhưng vẫn chưa hết, chỉ có 7 chỗ 8 hội, phần nhiều đạo không thể khởi ở tòa này, không nói pháp tại trời Hóa Lạc, mà kinh này phần nhiều nói từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ khác. Ở trời Hóa Lạc nói Thập Thiên định. Còn các địa phần nhiều không tương ứng. Trước sau tòa tịch hoặc đồng hay khác. Do dấu vết bậc Thánh khó suy tư, tùy theo cơ mà nói khác thôi.

Trong 3 giáo thuộc về Đốn giáo, Nói diệu chỉ Nhất thừa của Phật tánh thường trụ. Người được truyền là Đại sĩ chứ không phải Nhị thừa.

Hoa Nghiêm nói rằng: “Nhị thừa ở tại chỗ ngồi không biết không hiểu. Vì giai vị của Đại sĩ thì Nhị thừa chẳng thể thực hành được, chế giới khinh trọng Tiểu thừa chẳng thể học được, chế pháp của Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau, Bồ-tát tạm thời chế 58 điều, Thanh văn trì phạm tùy theo đó mà kết giới. Lý luận giải quyết cơ nghi. Sự luận gồm có 3 nghĩa:

Đại sĩ tin sâu nghe nhanh không trái nghịch. Thanh văn tin cạn nghe nhanh thì không thọ.

Đại sĩ không thường hầu hai bên, không có tùy theo việc mà bạch, cho nên tạm thời chế ngay. Thanh văn thường được theo hầu có thể ít muốn bạch Phật, nên đợi phạm mới chế.

Phạm Võng được chế, Lô-Xá-Na cho Vương Tử Diệu Hải thọ giới Bồ-tát. Bấy giờ, các Đại sĩ lẽ ra phải nói 58 điều này. Nên tạm thời chế ngay. Đại bản Phạm Võng 112 quyển, 61 phẩm. Chỉ có phẩm Bồ-tát Tâm Địa thứ 10, của ngài La-thập tụng ra. Hai quyển thượng, hạ. Tựa trước nói về giai vị Bồ-tát, tựa sau nói giới pháp Bồ-tát từ Đại bản, Lời tựa và lưu thông đều thiếu, khác bộ ngoài gọi là Bồ-tát giới kinh. Văn có 3 phần:

TỰA: Từ bài kệ thứ nhất, văn xuôi thanh tịnh.

CHÁNH THUYẾT: Từ 10 giới trọng nay Bồ-tát đang tụng.

LƯU THÔNG: Còn lại cho đến hết quyển là khuyến nói.

Giải thích:

Phần tựa: Bài kệ thứ nhất nói Phật Lô-Xá-Na phát khởi. Văn xuôi nói Phật Thích-ca khuyến phát. Trong bài kệ có bốn giới, ba khuyến.

Bốn giới là:

- 1/ Giới Xá-Na.
- 2/ Giới Thích-ca
- 3/ Giới Bồ-tát
- 4/ Giới Chúng sinh.

Lô-Xá-Na là “Bản”, Thích-ca là “Tích”, Phật Thích-ca được giới này liền trao cho các Bồ-tát, Bồ-tát trao lại cho chúngsinh phàm phu

Ba khuyến là:

- 1/ Khuyến thọ
- 2/ Khuyến trì
- 3/ Khuyến tụng

Bốn giới này có lý do chứng đắc phẩm giới, căn bản thâm truyền. Từ đó trở xuống là lời Phật trao, cho nên khuyến phàm phu thọ. Đã thọ

phải trì, đã trì phải tụng, vì muốn cho sự truyền bá không dứt.

Hàng giữa bài kệ chia làm 3 đoạn:

Ba hàng ba câu: Phật Lô-Xá-na nói giới truyền cho Phật Thích-ca.

Từ câu “bấy giờ, trăm ngàn ức”..... Ba hàng ba câu: Đức Thích-ca truyền trao cho các Bồ-tát, Bồ-tát truyền cho chúng sinh.

Từ “Lắng nghe ta chánh tụng “ đến hết bài kệ: Khuyên tin, thọ trì.

Một câu ba tựa là hai đức Phật nói

. Hai câu tựa là Phật Lô-Xá-Na tự nói, còn lại là Đức Thích-ca cõi này nói. Xen vào lời của nhà chép kinh. Hai hàng rưỡi trên nói về “Bản, Tích”. Hàng kế nói về nhân, Pháp.

Ban đầu có ba: Nửa hàng nói [bản] của Lô-Xá-Na, hai hàng rưỡi nói [tích] của Phật Thích-ca. Ba hàng rưỡi tổng kết [bản, tích]. Câu trên nói bản thân Lô-Xá-Na, câu dưới nói bản độ của Lô-Xá-Na, tức Y báo, Chánh báo. Thân Phật có 4 loại:

1/ Pháp thân

2/ Chân ứng

3/ Pháp báo ứng.

Tỳ-Lô-Giá-na chánh pháp thân, Lô-Xá-Na làm cho chánh pháp rực rỡ khắp nơi là thân, Thích-ca ứng tích cảm đến là thân. Kim Quang Nhiếp Luận gọi là pháp ứng hóa. Còn lại là Ứng thân thọ Thuần-đà cúng dường

4/ Hóa thân thọ đại chúng cúng dường.

“Ngã kim” là tánh tự tại của Ngã, cũng là Lô-Xá-Na, bụi nhỏ vô minh đã dứt sạch, trí tuệ công đức đầy đủ, như trăng tròn sáng, dùng (570) tên tiêu biểu cho đức. “mới ngổi hoa sen là y nói y báo,

“Phương” là chánh, ở trong chánh pháp, nên gọi là “Tọa”. Vì sao ngổi trên đài hoa, Hình tượng của thế giới dường như hoa sen, nên gọi là Liên hoa tàng. Hoa Nghiêm nói rằng: “Hoa tại hạ kính”. Liên hoa có 2 nghĩa:

Ở chỗ nhơ bản mà không nhiễm: Thí dụ Xa-na ở chỗ dơ bản mà không nhiễm.

“Tàng”: Bao gồm cả pháp giới 10 phương. Tiêu biểu cho nhân sinh quả nên thí dụ là đài. Còn lấy Phật vốn ngổi trên đài hoa, tiêu biểu cho Giới là gốc của các đức. Chung quanh ngàn Đức Thích-ca nhìn thấy trăm nước Thích-ca. “Thiên” là bản, “Trăm ức” là tích, Hai lối bản tích có 3 nghĩa một: Bản trong tích.

Hai. Tích trong bản

Ba. Bản và tích đều thành Phật đạo.

1- Bản trong tích: Ngàn cánh, hoa ở cõi người có hơn mười cánh, hoa ở cõi trời có trăm cánh, hoa của Phật, Bồ-tát có ngàn cánh, mỗi cánh có một thế giới Phật, nên có ngàn Tịnh độ Phật, tiêu biểu cho 10 địa, 10 Ba-la-mật viên nhân. Khởi bản địa của ứng quả, hiện ngàn Thích-ca. Mỗi cánh là một Tịnh độ, tức là một thế giới Phật khởi Ứng thân tròn đầy. Còn một cõi nước Phật trong một thế giới, đây là nói sơ lược. Hoa Nghiêm thế giới nhiều như bụi nhỏ. Mười phương, mỗi phương đều có một trăm, Mỗi hoa có trăm ức cõi nước...

2- Tích trong bản: Một cánh là một thế giới có trăm ức cõi nước. Trăm ức cõi Ta-bà chỉ trên một cánh mà thôi.

“Các tọa” là nói bản tích đều thành Phật đạo.

3- Bản và tích đều thành Phật đạo: là Tổng kết bản tích, là ngàn trăm ức kiếp, kết thân tích. “Lô-xá-na, v.v.....” là câu kết thân bản, nói ngàn trăm ức kiếp đều lấy Lô-Xá-Na làm bản.

Về nhân pháp: thì văn chia làm hai: 1. Nhân. 2. Pháp.

Trong Nhân, có 3 câu:

1- Người nắm tiếp

2- Người sở tiếp

3- Kết người năng tiếp và người ở tiếp đều đến chỗ Phật. “Người nắm tiếp” là ngàn trăm ức Đức Thích-ca. “Các tiếp” v.v...trở xuống là nói người sở tiếp người được tiếp. ”Tiếp” nghĩa là nắm lấy người có duyên. “Vi trần” ý nói thính chúng rất nhiều. “Lai chí “ trở cuống là. Thứ 3 kết người năng tiếp, sở tiếp, đều đến chỗ Lô-Xá-Na. “Thính ngã trở xuống là thứ hai nói về” Hai câu nói pháp, câu trên nói giới, câu dưới chánh là khen giới.

a. Răn dạy Bồ-tát nghe người tụng giới Phật.

Hỏi: Đây là pháp của Chư Phật trong 3 đời 10 phương, chẳng phải mới tự chế, nên chỉ được tụng, chứ không được nói. “môn Cam lộ” là khen giới, thí như uống nước Cam lộ để được sống lâu. Đại Kinh nói rằng: “Có núi từ bốn phía ép vào, chỉ nên giữ giới bố thí.

“Bấy giờ ngàn năm ức” Thứ 2 là Thích-ca tích Phật truyền cho Bồ-tát, Bồ-tát truyền cho chúng sinh. Lại chia làm ba:

- Nhà chép kinh trình bày lý do Phật Thích-ca truyền trao.

- Thích-ca thuyết giới truyền cho các Bồ-tát.

- Khuyến Bồ-tát truyền hóa cho chúng sinh.

Giải thích: 1. Nhà chép kinh trình bày ba câu do Đức Thích-ca

truyền: Trăm ngàn ức Phật đều trở về bản xứ. Nhưng pháp thân vô tại, nay nói về giới tích truyền bản, thì bản là tích. Sư dùng tích tụng bản đó. Văn truyền giới Bồ-tát chia làm ba:

- 1- Giới thể.
- 2- Giới dụng
- 3- Khuyên Bồ-tát thọ trì. “Mười trọng, bốn mươi tám”

Giới thể: Mười giới trọng là giới thể, “Giới như trời trăng sáng”

Khen ngợi dụng của giới, trì giới này trừ tội sương, dụ như mặt trời, khiến được mát mẻ, dụ như mặt trăng, phải có pháp lành như chuỗi Anh lạc. Mặt trời có công năng nuôi lớn muôn vật, cũng như giới có thể nuôi dưỡng muôn điều lành. Chuỗi Anh lạc có thể nói chung công đức giúp nghèo cùng, giới cũng như thế, có thể giúp cho kẻ nghèo cùng thêm nhiều pháp tài. Lại như chiêm ngưỡng ánh sáng mặt trời, mặt trăng đầy trời. Trì giới đối với thể đều quy kính. Chuỗi Anh lạc là vật trang điểm quý báu nhất cho thân, Giữ giới là hồn như đoan chánh, ”Vi trần chúng Bồ-tát..” thứ ba là khuyên Bồ-tát thọ trì, như người đi qua biển phải nhờ thuyền, nếu qua biển sinh tử, nhân quan trọng là giữ giới. Đại Kinh nói rằng: “Như bằng thuyền bè, lại dụ cho phao nổi. Lại chia làm ba: Trước nêu chung công năng, kế đến nói về người trao, sau hết nói người thọ. Như: Lô-Xá-Na là người trao, tân học là người thọ, Thọ trì là khuyến phát truyền trao cho chúng sinh, 30 tâm Bồ-tát, Truyền trao Đại thừa, phát tâm Đại thừa.

Thứ ba là: Khuyên tin thọ trì, văn chia làm ba:

Khuyên người thọ trì, văn chia làm ba:

1. Nêu pháp sở tụng
2. Khuyên người tin nhận
3. Kết khuyến.

“Lắng nghe nêu pháp sở tụng”: Giới này phân biệt khác với các giới gà, chó, của ngoại đạo. Tịnh giới là Nhân, Mộc-Xoa là quả. ”Đại chúng”, thứ hai là khuyên người tin nhận, lại chia làm 2: một. Khuyên tin, hai. Khuyên nhận.

1. Khuyên tin cho nên “nhĩ” tin là cửa thứ nhất để vào đạo, đại luận nói rằng: “Tin thì vào được. Ta giữ giới này được thành Chánh giác, ông cũng phải như vậy. “Nhất thiết hữu tâm là “thứ hai, khuyên thọ: hễ có người phát tâm đều được thọ giới Bồ-tát Đại thừa thường lạc. Nói chúng sinh phát tâm có Phật tánh, sẽ thành Phật, phải thọ ba giới. ”Đại chúng” là thứ 3, kết giới. Câu trên kết, câu dưới khuyên nghe. Tự

chung chữ Phật truyền thọ giới pháp phát khởi xong.

Văn xuôi, v.v.....là bài Tựa, Đức Thích-ca ở cõi này, chia làm hai: Ban đầu là từ ngữ của nhà chép kinh, kế là lời của Đức Thích-ca nói. Có ba giai đoạn:

- Từ của nhà chép kinh.
- Phóng hào quang biểu thị diêm lành.
- Đại chúng xin nghe.

Bốn giai cấp khác nhau:

Nêu vị Hóa chủ là Đại Thánh Thích Tôn

Nêu nơi chốn, nghĩa là ngồi dưới cây Bồ-đề đắc đạo, do đó gọi là nhân danh đạo thọ, cũng gọi là Tư duy. Âm Phạm là Bối-đa.

Đắc đạo là thành Chánh giác, tức hiệu là Chánh Biến Tri.

Nêu ra pháp đở kết: Nghĩa là Ba-la-đề-mộc-xoa của Bồ-tát. Thứ 4, là Tự đối bốn câu:

1. Nêu sở kết danh, tức là Mộc-Xoa này.
2. Năng thành nhân cao quý, nghĩa là hiếu sự.

Kinh Bảo Tạng nói: Hiếu thờ cha mẹ là bậc thiên chủ Đế-thích trong nhà người. Còn thể thực hành việc hiếu là Đại Phạm Tôn Thiên ở trong nhà người. Lại tận hiếu với Phật Thích-ca trong nhà Ông. Bồ-tát Diêm-ma lành bệnh mắt, đồng tử từ tâm xe lửa diệt nhanh chóng, tức linh nghiệm. Nhĩ Nhã nói rằng: Khéo thờ cha mẹ là hiếu. Hiếu tức là thuận. Thái sử Thúc nói dùng chữ hiếu thuận giải thích chữ Hiếu. “Hiếu Kinh Câu Mạng Quyết” nói rằng: “Chữ Hiếu dạy cuối cùng là hoàn tất, trước sau sắc dưỡng, cũng có thể dạy độ. Độ là nghi pháp. Ấm áp trong lành hợp nghi.

3. Sẽ được thắng quả: nghĩa là pháp chí đạo.

Kết tên chữ: là chế giới, trong ánh áng của Phật phát ra, từ từ buông ra ánh sáng tiêu biểu cho diêm lành. “Thụy” là lành, muốn nói việc lớn trước hết phải phát ra ánh sáng cao quý của sắc tượng, vởi gọi chúng sinh có duyên đồng đến nghe giới. Giới là Bồ-tát cao quý có diệt ác sinh thiện. “Khẩu phóng” tiêu biểu cho Đức Thích Tôn, hôm nay giảng nói giới pháp Bồ-tát Đại thừa. Bấy giờ trăm ức trở xuống là Hậu giai “. Trình bày đại chúng xin nghe. Văn chia làm 3: một. Nói chung về đại chúng, hai. Nói riêng về bốn chúng.

- Bồ-tát
- 28 trời Phạm
- Sáu tầng trời cõi Dục.

16 Quốc vương. Tổng kết muốn nghe như vậy, tên 16 nước là xut

xứ trong Trường A-hàm.

(571) 1. Sử Già, 2. Ma-Yết-Đề, 3. Ca-thi, 4. Câu-tát-la, 5. Bạt-đề
6. Mạt-la, 7. Chi-đề, 8. Bạt-sa, 9. Ni-lâu, 10. Bàn-xà-la, 11. A-thấp-bà,
12. Bà-tha, 13. Tô-bà-la, 14. Càn-đà-la, 15. Kiếm-phù-sa, 16. A-bàn-
đề. Ấn độ rất nhiều nước, nhưng chỉ lược nêu những tên này thôi. Cơ
ứng Thanh văn tự nhiên nhóm họp. Chắp tay tức thời thứ ba của chúng
thích nghe. “Thưa với Bồ-tát rằng”: Đức Thích-ca tự nói cũng có 3 giai
đoạn: Một. Nêu tự tụng. Hai. Thích-ca phát ra ánh sáng nhân duyên.
Ba. Khuyên vật tôn học, tức là y theo trước. Ba việc trong lời tựa của
Chư Phật cũng thành ba ý của nhà chép kinh. Trước hết nêu thí dụ khen
ngợi. Ở đây Đức Thích-ca phát ra ánh sáng tức là khen ngợi. Ba giai
đoạn này đều có hai việc khác nhau. Giai đoạn một có hai:

- Một. Trình bày ngã tự tụng
- Hai. Khuyên người khác tụng.

Trung phàm nêu 5 hạng người:

1. Là phát tâm, tức Bồ-tát cộng địa

Thập Phát thú, nghĩa là mười tâm đầu. Kinh Phạm Võng có nêu
tên: 1. Xả, 2. Giới, 3. Nhẫn, 4. Tấn, 5. Định, 6. Tuệ, 7. Nguyện, 8. Hộ,
9. Hỷ, 10. Đảnh tâm. Ba mươi trưởng dưỡng nghĩa là trong 10 tâm: 1.
Từ, 2. Bi, 3. Hỷ, 4. Xả, 5. Thí, 6. Hảo ngữ, 7. Ích, 8. Đồng, 9. Định. 10.
Tuệ.

Mười tâm sau, 40 Kim cương: 1. Tín, 2. Niệm, 3. Hồi hướng, 4.
Đạt, 5. Trục, 6. Bất thối, 7. Đại thừa, 8. Vô tướng, 9. Tuệ, 10. Bất hoại
tâm.

50 địa, là từ Đẳng địa trở lên.

- Thể tánh bình đẳng địa
- Thể tánh thiện phương tiện địa
- Thể tánh quang minh địa
- Thể tánh Nhĩ Viêm địa
- Thể tánh Tuệ chiếu địa
- Thể tánh Hoa quang địa
- Thể tánh mãn túc địa
- Thể tánh Phật hống địa
- Thể tánh Hoa nghiêm địa
- Thể tánh nhập Phật giới địa.

Thế nên từ câu: “Giới quang” là giai đoạn giữa. Giải thích nhân
duyên phát ra ánh sáng cũng có hai thứ khác nhau:

Nhân duyên, về nêu liệt nhân duyên, trong đó có hai nhân duyên: 1/

Biểu đắ quả, 2/ Biểu thành nhân, đều có ba câu đắ quả là:

- Chắ phải sắc tâm xanh vàng.
- Chắ phải hữu vô
- Chắ phải pháp nhân quả Ba câu hành

nhân:

Bản nguyên của Chư Phật Căn bản của Bồ-
tát

Căn bản của đại chúng

Hoặ câu “Biểu thị cho hai đế chân tục, cho nên đại chúng Chư Phật tử hậu giai”,
Khuyên chúng sinh học tập, cũng có hai loại khác nhau: Một. Nêu, bốn khuyên, hai
giải thích:

Nêu là: 1. Khuyên thọ, 2. khuyên trì, 3. Khuyên đọc tụng, 4 khuyên học. Trong phần
giải thích sau, chỉ khuyên một việc thọ, còn những việc khác đều lược qua.

Bồ-tát Giới Nghĩa Sở quyển thượng (xong)

